

VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC THẨM MỸ TRONG VIỆC XÂY DỰNG NHÂN CÁCH CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Thị Thanh Hà

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
Email: thanhha072007@gmail.com

Article History

Received: 15/3/2020

Accepted: 23/4/2020

Published: 08/5/2020

Keywords

aesthetic education,
personality, Vietnamese.

ABSTRACT

Personality is not what is available in people; it is formed and developed step by step according to certain rules. It is in the process of forming and developing personality that man has created measures for perfect personality. In it, the measure of beauty is associated with the aesthetic sentiment of man. Here, aesthetic education plays a very important role because the aesthetic world, especially the art world, with its nature and characteristics, of its inclined integrity will impact and develop holistically and harmonize the physical, mental, intellectual and human talents side by side with the development of all other fields of knowledge.

1. Mở đầu

Con người tự bản thân luôn có ý thức hướng về cái đẹp. Từ rất lâu, cái đẹp đã trở thành khát vọng của loài người và đã là động lực thúc đẩy sự phát triển, hoàn thiện con người. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin là những người đầu tiên khẳng định phải đưa cái đẹp vào cuộc sống, phải tiến hành giáo dục thẩm mỹ (GDTM) cho quần chúng. Có thể hiểu, GDTM là giáo dục về cái đẹp, giáo dục con người nhận thức ra cái đẹp, lí giải cái đẹp, biết yêu cái đẹp và sống, lao động theo tiêu chuẩn cái đẹp.

GDTM bao quát mọi lĩnh vực trong đời sống con người và ở đâu có con người, có hoạt động của con người thì ở đó có cái đẹp và rất cần cái đẹp. Cái đẹp có mặt trong quan hệ giữa con người với thiên nhiên, giữa con người với con người; cái đẹp thể hiện trong ngôn ngữ, hành vi, trong cách ứng xử, trong trang phục, cách trang trí nơi ở, chỗ làm việc; cái đẹp có mặt trong lao động sản xuất và trong đấu tranh xã hội.

GDTM được tiến hành nhằm mục tiêu phổ quát là hoàn thiện đời sống thẩm mỹ của con người, mục tiêu này đặt ra yêu cầu phải tác động toàn diện và sâu sắc tới toàn bộ đời sống xã hội, trong đó việc xây dựng nhân cách con người phát triển toàn diện là một đòi hỏi tất yếu. Trong đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã rất quan tâm đến sự nghiệp rèn luyện GD-ĐT con người xã hội chủ nghĩa và xem đó là mục tiêu chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

GDTM là một trong những nội dung quan trọng để bồi dưỡng nên những cá nhân phát triển toàn diện, nhân cách phong phú, hài hòa về thể chất, tinh thần, đạo đức và tài năng. Chính vì vậy, những vấn đề về GDTM được Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm. Đây là một trong những nội dung cơ bản trong chiến lược con người của cách mạng Việt Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã xác định: “Chú trọng xây dựng nhân cách con người Việt Nam về lí tưởng, trí tuệ, đạo đức, lối sống, thể chất, lòng tự tôn dân tộc, trách nhiệm xã hội, ý thức chấp hành pháp luật, nhất là trong thế hệ trẻ” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr 126).

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Nhân cách và quy luật của sự hình thành nhân cách

Khi bàn về vấn đề con người, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ bàn đến bản chất tự nhiên mà đặc biệt chú ý đến bản chất xã hội của con người, lí giải các quan hệ xã hội tham gia vào sự hình thành bản chất ấy cũng như vai trò của thực tiễn và hoạt động thực tiễn đối với sự hình thành nhân cách. Từ đó, trên cơ sở quan điểm triết học Mác - Lênin xem “Nhân cách là những phẩm chất, những trạng thái, tính chất, xu hướng bên trong của từng cá nhân. Đó là thế giới của cái tôi do tác động tổng hợp của các yếu tố cơ thể và xã hội hết sức riêng biệt tạo nên để cá nhân đó có thể tồn tại và hoàn thành trách nhiệm của mình đối với bản thân và xã hội” (Nguyễn Thế Kiệt, 2014, tr 112).

Nhân cách không được sinh ra đồng thời với sự sinh ra bản thân con người. Trong thực tế, khi mới sinh ra, con người chưa trở thành một nhân cách mà mới chỉ mang tiềm năng. Nhân cách chính là kết quả tích lũy dần dần những kinh nghiệm sống, những tri thức mà cá nhân người đó đã trải nghiệm, tập nhiễm được trong quá trình sống và trưởng thành. Sự hình thành và phát triển nhân cách là một quá trình lâu dài, bắt đầu từ khi con người cất tiếng khóc chào đời. Vì thế, có thể khái quát tính quy luật của sự hình thành nhân cách như sau:

- Sự hình thành và phát triển nhân cách là quá trình thống nhất giữa mặt sinh vật và mặt xã hội, giữa cá nhân và xã hội, giữa điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan. Con người sinh ra và phát triển không chỉ tuân theo những quy luật sinh học mà còn chịu tác động của những quy luật xã hội. Sự hoàn thiện bản chất xã hội trong mỗi con người cũng đồng thời là quá trình hoàn thiện nhân cách. Nhân cách được hình thành và phát triển trong quá trình sống, lao động và trong các quan hệ giao tiếp của con người.

- Sự hình thành và phát triển nhân cách là quá trình thống nhất giữa giáo dục và tự giáo dục. Sự tác động một cách tự giác, có chủ đích các kinh nghiệm lịch sử - xã hội, văn hóa cộng đồng, văn minh nhân loại lên mỗi cá nhân chính là sự giáo dục. Sự tiếp thu của mỗi cá nhân đối với kinh nghiệm lịch sử - xã hội, sự thâm thấu tinh hoa văn hóa nhân loại vào trong mỗi cá nhân đó là sự tự giáo dục. Nhân cách chỉ hình thành và phát triển thông qua những quan hệ giữa con người với con người, con người với tự nhiên, con người với xã hội. Thông qua hoạt động của cá nhân, con người nhập tâm nội dung của những quan hệ xã hội ấy, chuyên thành nhân cách của mình. Vai trò của giáo dục ở đây chính là giúp con người hiểu biết một cách có hệ thống, sâu sắc và đầy đủ các chuẩn mực, khuôn mẫu, giá trị xã hội, từ đó giúp họ hình thành những phẩm chất nhân cách phù hợp với các yêu cầu, chuẩn mực ấy. Giáo dục và tự giáo dục là hai giai đoạn khác nhau nhưng luôn thống nhất biện chứng với nhau. Trong đó, quá trình tự giáo dục, tự hoàn thiện của mỗi cá nhân giữ vai trò quyết định.

2.2. Quan niệm về giáo dục thẩm mỹ

GDTM là giáo dục sự hiểu biết, cảm xúc cái đẹp và lòng mong muốn xây dựng, thể hiện, sáng tạo cái đẹp trong hiện thực, với mục đích mở rộng nhận thức của con người và xây dựng thế giới tinh cảm của họ, phát triển và củng cố quan hệ nhân đạo đối với con người và cuộc sống. GDTM góp phần phát triển toàn diện nhân cách, tích cực giúp cho việc thấm nhuần các tư tưởng tiên tiến của thời đại, thể hiện sự gắn bó chặt chẽ giữa chân - thiện - mỹ.

GDTM nhằm xây dựng nền văn hóa thẩm mỹ, tức là tạo lập được các giá trị cao đẹp trong hoạt động của con người, trong lao động, trong quan hệ xã hội, trong sinh hoạt, trong nghệ thuật. GDTM không chỉ tiến hành bằng việc giáo dục các quan điểm, lí luận mà là xây dựng văn hóa của các giác quan, cảm quan, làm phong phú thêm thế giới tinh cảm của con người, dạy con người biết cảm thụ cái tiên bộ, cái nhân đạo, biết cảm thấy vẻ đẹp của điều thiện.

Nói cách khác, GDTM là nâng cao năng lực thẩm mỹ ở mỗi người, trong đó có việc bồi dưỡng các cảm xúc thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ và lí tưởng thẩm mỹ. Xây dựng những tình cảm thẩm mỹ để con người có thể phân biệt rạch ròi cái cũ, cái mới, cái đẹp, cái xấu - đây được coi là công việc trọng tâm của GDTM. Không có những cảm xúc này thì con người không có điều kiện để thưởng thức, đánh giá và sáng tạo. Vì thế, lí luận GDTM của chủ nghĩa Mác - Lênin luôn quan tâm tới các khả năng thụ cảm, cảm xúc của con người.

2.3. Vai trò của giáo dục thẩm mỹ trong việc hình thành và phát triển nhân cách con người

Sự phát triển năng lực thẩm mỹ qua GDTM có ảnh hưởng tích cực tới sự phát triển những phẩm chất năng lực khác như năng lực trí tuệ, năng lực đạo đức, năng lực thể chất, ... Không những vậy, sự phát triển năng lực thẩm mỹ còn ảnh hưởng rất lớn tới việc hình thành nhân cách phát triển toàn diện, nhân cách của chủ thể tích cực trong đời sống văn hóa xã hội Xã hội chủ nghĩa. Do đó, việc GDTM là một nhiệm vụ tất yếu không thể thiếu trong yêu cầu hình thành phát triển con người toàn diện, những chủ nhân thực sự của xã hội mới.

GDTM với mục đích làm thức dậy ở con người lòng khát khao vươn tới cái đẹp, nâng cao năng lực cảm thụ và sáng tạo thẩm mỹ, tạo nên sự hài hoà giữa con người với tự nhiên và với đời sống xã hội, để con người có đủ khả năng làm chủ xã hội, làm chủ tự nhiên và làm chủ chính bản thân mình. Chính vì vậy, việc phát triển công tác GDTM là một đòi hỏi tất yếu khách quan.

2.3.1. Giáo dục thẩm mỹ tham gia vào quá trình định hướng giá trị cho sự hình thành và phát triển nhân cách con người

Định hướng giá trị là một trong những yếu tố quan trọng nhất thuộc nhóm xu hướng của cấu trúc nhân cách, được hình thành và củng cố bởi năng lực nhận thức, bởi kinh nghiệm sống cá nhân qua sự trải nghiệm lâu dài, giúp cá nhân tách cái có ý nghĩa, cái thiết thực đối với họ khỏi cái vô nghĩa (Lương Quỳnh Khuê, 1995, tr 84). Con người có thể nhận thức được những tư tưởng bao quát chung trong cộng đồng xã hội ở một giai đoạn lịch sử nhất định về điều đúng - sai, điều thiện - ác, điều hợp lí - không hợp lí, điều xấu - đẹp.

Giá trị xã hội ảnh hưởng đến nội dung của các chuẩn mực đạo đức, pháp luật, thẩm mỹ, ... Sự lựa chọn các giá trị đó được đo bằng sự chấp nhận và lựa chọn các chuẩn mực. Định hướng giá trị thẩm mỹ của con người Việt Nam hiện nay đang có sự biến đổi sâu sắc, tích cực, song cũng bộc lộ một số biểu hiện tiêu cực cần được uốn nắn, điều chỉnh. Việc này cần có sự tham gia của toàn xã hội, hoạt động theo một mục tiêu lớn nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong sự phát triển cá nhân, lí tưởng thẩm mỹ là yếu tố thể hiện vị trí chủ đạo rõ rệt nhất, là động lực mạnh mẽ nhất của sự phát triển ấy. Do vậy, trong việc giáo dục nhân cách, giáo dục lí tưởng thẩm mỹ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Văn hóa thẩm mỹ tác động trực tiếp tới tư tưởng, tình cảm con người bằng hệ thống giá trị của nó, đặc biệt là các giá trị nghệ thuật - cái cao cả, cái đẹp trong đời sống. Nghệ thuật lại là lĩnh vực hoạt động cơ bản của lí tưởng thẩm mỹ, khi tiếp nhận nghệ thuật, dù tự giác hay không tự giác, con người cũng tiếp nhận cả lí tưởng thẩm mỹ thể hiện trong chính hình tượng nghệ thuật, qua đó để hướng tới các lí tưởng chính trị, lí tưởng đạo đức tốt đẹp trong đời sống. Lí tưởng thẩm mỹ thể hiện sinh động bằng những mẫu mực của đời sống hoặc bằng hình tượng nhân vật, hình tượng cuộc sống trong nghệ thuật. Mặt khác, lí tưởng thẩm mỹ lại là biểu hiện cao nhất của ý thức thẩm mỹ. Sự hình thành lí tưởng thẩm mỹ ở mỗi cá nhân không chỉ tác động đến các yếu tố cấu thành ý thức thẩm mỹ, mà còn tác động đến toàn bộ nhu cầu, hứng thú, thị hiếu, lí tưởng nói chung trong phẩm chất của nhân cách.

2.3.2. Giáo dục thẩm mỹ có vai trò đánh thức những năng lực sáng tạo tiềm ẩn, hoàn thiện năng lực tư duy của con người

Năng lực sáng tạo với tư cách là năng lực cải tạo, hoạt động sản sinh cái mới có thể biểu hiện ra trong bất kì lĩnh vực hoạt động nào của con người. Năng lực thẩm mỹ là một trong nhiều năng lực mà con người có được, song nó là loại năng lực bậc cao, cho nên “năng lực sáng tạo thẩm mỹ có giá trị hoàn thiện các năng lực riêng và là bí quyết phát triển con người toàn diện” (Đỗ Huy, 1987, tr 64).

Năng lực sáng tạo là một trong những đặc trưng của loài người. Mác đã từng nói, sự khác nhau trước hết giữa nhà kiến trúc tồi nhất và con ong khéo léo nhất là ở chỗ, con người trước khi dựng cái tổ ong trong thực tế thì đã hình dung trước cái tổ ong đó trong đầu mình. Đề ra mục đích tức là phát hiện tình huống có vấn đề. Giải quyết vấn đề trong ý thức và thực hiện nó trong thực tiễn chính là sáng tạo hiểu theo nghĩa rộng nhất.

Trong hoạt động GDTM, nghệ thuật luôn được xem là phương tiện hữu hiệu nhất, có tác động sâu sắc và toàn diện nhất tới nhân cách con người từ tuổi ấu thơ cho đến hết cuộc đời. Tác động của nghệ thuật đối với sáng tạo khoa học thông qua cơ chế gợi mở, đánh thức, thông qua một chuỗi những cảm xúc, liên tưởng, suy tư do hình tượng nghệ thuật mang lại. Nghệ thuật không chỉ gợi mở tiềm năng sáng tạo cho các nhà khoa học mà là cho tất cả mọi hoạt động sáng tạo của con người, bởi “bản chất thẩm mỹ là cái vốn có trong mọi sáng tạo - cả trong lĩnh vực thực tiễn - chính trị, cả trong quản lí - tổ chức...” (Nguyễn Văn Huyền, 1987, tr 128).

GDTM còn góp phần vào quá trình hoàn thiện năng lực tư duy của con người. Ở mỗi con người đều có khả năng tư duy logic (bằng khái niệm) và tư duy nghệ thuật (bằng hình tượng). Cả hai kiểu tư duy này đều quan trọng, cùng phục vụ cho sự nhận thức và cải tạo thế giới.

2.3.3. Giáo dục thẩm mỹ góp phần bồi dưỡng năng lực cảm xúc, tạo dựng nhân cách hài hòa cho sự phát triển con người

Cảm xúc thẩm mỹ là khả năng rung cảm của con người trước những ấn tượng thẩm mỹ nhận được. Bản thân sự rung cảm này là sự xúc động tâm lí, là niềm vui, nỗi buồn, sự xúc động được khơi gợi bởi các hiện tượng thẩm mỹ như cái cao cả, cái đẹp, cái bi, cái hài trong cuộc sống và trong nghệ thuật. Là loại tình cảm đặc thù của con người, cảm xúc thẩm mỹ này sinh khi chủ thể thẩm mỹ tiếp xúc trực tiếp với khách thể thẩm mỹ đặc biệt như tác phẩm nghệ thuật, sản phẩm đẹp của lao động, vẻ đẹp của tự nhiên. Những cảm xúc đó kích thích tích cực về mặt xã hội của con người, điều tiết hành vi của họ và tác động đến sự hình thành những lí tưởng chính trị - xã hội, đạo đức, thẩm mỹ. Cảm xúc thẩm mỹ là một loại cảm xúc cao quý vô tư, không vụ lợi, cảm xúc mang tính người, khẳng định sự tồn tại của con người như một chủ thể có văn hóa.

Trong nhiệm vụ giáo dục nhân cách cho con người Việt Nam hiện nay, việc trau dồi cảm xúc thẩm mỹ thông qua hoạt động thẩm mỹ tích cực của con người sẽ góp phần tạo nên một nhân cách hài hòa giữa lí trí và cảm xúc, giữa nhu cầu vật chất và nhu cầu tinh thần, giữa con người kinh tế và con người văn hóa. Cảm xúc thẩm mỹ cũng góp phần tự điều chỉnh hành vi và là cơ sở làm xuất hiện nhu cầu, thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh.

2.3.4. Giáo dục thẩm mỹ góp phần hình thành đạo đức cá nhân, phẩm chất ý chí, ý thức kỉ luật trong nhân cách con người

Từ phương diện thẩm mỹ, giáo dục ý thức thẩm mỹ và nghệ thuật tác động đến tầng sâu nhất của thế giới nội tâm con người bằng sức mạnh của cái đẹp. Với tư cách là lực lượng bản chất người của nhân loại, cái đẹp của nghệ thuật gợi mở cho sự phát triển những phẩm chất cấu thành đạo đức cách mạng.

GDTM và nghệ thuật còn góp phần vào việc xây dựng những chuẩn mực đạo đức và pháp lí, nghệ thuật chính là sự mô hình hóa các tính cách, các cảnh đời, các tình huống phức tạp theo lí tưởng thẩm mỹ. Trong không ít trường hợp, nhiều người biết được một nguyên tắc đạo đức, tuân thủ theo một chuẩn mực xã hội nào đó, nhất là những nguyên tắc đối nhân xử thế, là nhờ sự tiếp xúc với nghệ thuật. Qua việc xây dựng hình tượng điển hình, nghệ sĩ góp phần tạo ra những chuẩn mực đạo đức mới hay khẳng định một nguyên tắc đạo đức đã có của xã hội. Việc sử dụng nghệ thuật để giáo dục đạo đức là việc làm phổ biến của nhân loại, nhất là ở phương Đông.

2.4. Những nội dung cơ bản của giáo dục thẩm mỹ

Bản chất của GDTM là nhằm hình thành một chủ thể thẩm mỹ biết hưởng thụ, đánh giá và sáng tạo trên mọi mặt của đời sống theo quy luật của cái đẹp. GDTM chính là hướng tới làm cho con người phát triển phong phú và hài hòa, làm cho văn hóa thẩm mỹ được xác lập trong các quan hệ xã hội. Mục tiêu của GDTM phụ thuộc vào toàn bộ các mục tiêu KT-XH của mỗi chế độ xã hội nhất định. Mỗi chủ thể thẩm mỹ hưởng thụ, đánh giá và sáng tạo cái đẹp đều gắn với tính tất yếu KT-XH. Vì thế, bản chất của GDTM luôn mang nội dung dân tộc, giai cấp và thời đại.

GDTM là một bộ phận hợp thành sự nghiệp giáo dục toàn xã hội. Nó gắn bó chặt chẽ với giáo dục lao động, giáo dục chủ nghĩa yêu nước, tinh thần quốc tế và giáo dục các quan niệm về sự hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, cá nhân và xã hội, thể xác và tinh thần. Do đó, GDTM vừa là một thể thống nhất của sự nghiệp giáo dục chung, vừa là điều kiện tất yếu tạo dựng sự phát triển những nhân cách toàn vẹn, hài hòa.

Như vậy, GDTM để hình thành những chủ thể thẩm mỹ này mới có đầy đủ những điều kiện cần thiết để tiến hành có hiệu quả trong lĩnh vực hoạt động thẩm mỹ. GDTM bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Giáo dục, xây dựng ý thức thẩm mỹ tiên tiến cho con người: tình cảm thẩm mỹ, nhu cầu thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ, lí tưởng thẩm mỹ.

- Năng lực thẩm mỹ là trình độ của tình cảm, sự mẫn cảm và đặc biệt là sự nhạy bén của cảm xúc, rung cảm, khoái cảm, thị hiếu và lí tính thẩm mỹ. Năng lực thẩm mỹ thể hiện ở cấp độ: + Cảm thụ thẩm mỹ (xúc cảm, tri giác, rung cảm); + Đánh giá thẩm mỹ (phân tích, lựa chọn, tiếp nhận); + Sáng tạo thẩm mỹ (liên tưởng, tưởng tượng, mở rộng, tạo ra cái mới).

- Tri thức thẩm mỹ và năng lực thẩm mỹ tạo nên trình độ thẩm mỹ. Người có trình độ thẩm mỹ sẽ tăng thêm chất lượng hoạt động sáng tạo nói chung và hoạt động sáng tạo thẩm mỹ nói riêng, đó là những người phát triển về nhân cách, có tình cảm đẹp, lí trí sâu sắc, có năng lực sáng tạo dồi dào.

- Văn hóa thẩm mỹ (nghệ thuật) của cá nhân: ý thức thẩm mỹ, tri thức thẩm mỹ, năng lực thẩm mỹ, trình độ thẩm mỹ tồn tại trong mỗi cá nhân, nó được vận dụng, được thể hiện trong mọi suy nghĩ, hoạt động của cá nhân và xã hội, nó thể hiện văn hóa thẩm mỹ của cá nhân đó.

GDTM không thể tách rời với các nội dung giáo dục khác: giáo dục đạo đức, giáo dục chính trị, giáo dục khoa học,... bởi sự hình thành và phát triển của chủ thể thẩm mỹ không thể tách rời việc phát triển cá nhân toàn diện. Do đó, một cá nhân muốn phát triển về mặt thẩm mỹ thì phải được phát triển các mặt thể chất, đạo đức và trí tuệ.

3. Kết luận

Xây dựng con người, tạo dựng nhân cách là một chức năng cơ bản và cũng là mục tiêu cuối cùng của mọi nền văn hóa. Một trong những nhiệm vụ quan trọng phải thực hiện trong suốt thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là xây dựng nền văn hóa mới, tạo ra đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú cho toàn thể nhân dân và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Vì thế, tăng cường hơn nữa GDTM là yêu cầu khách quan trong công cuộc đổi mới hiện nay nhằm “xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr 126). Đó là những con người phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức,... Chính những con người ấy, nhân cách ấy là động lực của sự nghiệp xây dựng xã hội mới, đồng thời là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Tài liệu tham khảo

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Đặng Thị Minh Tuấn (2017). *Một số vấn đề về giáo dục thị hiếu thẩm mỹ cho sinh viên ở nước ta hiện nay*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 3 tháng 8, tr 267-270.
- Đỗ Huy (1987). *Giáo dục thẩm mỹ - Một số vấn đề lí luận và thực tiễn*. NXB Thông tin lí luận.
- Lương Quỳnh Khuê (1995). *Văn hóa thẩm mỹ và nhân cách*. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Ngô Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Hà (2016). *Giáo trình Mĩ học*. NXB Đại học Thái Nguyên.
- Nguyễn Chương Nhiếp (2004). *Thị hiếu thẩm mỹ trong đời sống*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Nguyễn Ngọc Ánh (2017). *Vai trò của quan điểm thẩm mỹ trong giáo dục thẩm mỹ ở nước ta hiện nay*. Luận án tiến sĩ Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- Nguyễn Thế Kiệt (2014). *Triết học thẩm mỹ và nhân cách*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Nguyễn Văn Huyền (1987). *Cấu trúc của hình tượng nghệ thuật và khả năng gợi mở của nó đối với các tiềm năng sáng tạo*. Tạp chí Triết học, số 4.